

Bản án số: 43/2020/HS-ST

Ngày: 09-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Nguyễn Thị Huyền

2. Ông: Lò Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 18/6/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo đối với các bị cáo:

1. Bồ Xuân H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 12 năm 1987 tại

Tiên L, Hưng Y; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm Huổi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G, tỉnh Đ B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bồ Xuân L - SN 1951, con bà Cao Thị Ph - SN 1953; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ là Vì Thị H - SN 1991, có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 08/4/2020 đến ngày 16/4/2020, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn V, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1981 tại Đoan H, Hưng H, Thái B; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Bản Huổi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G, tỉnh Điện B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12; con ông Hoàng Văn Đ - SN 1957 và con bà Nguyễn Thị Ph - SN 1958; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Lương Thị Thúy Ng - SN 1984 và có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 08/4/2020 đến ngày 16/4/2020, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Mai Quang H, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1977 tại Tượng L, Kim B, Hà N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Lưu Phúc M, xã Tượng L, huyện Kim B, tỉnh Hà N; Nơi tạm trú: Bản Huồi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7; Con ông: Mai Quang H- SN 1939; con bà: Trần Thị Đ - SN 1952; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; vợ: Trịnh Thị B - SN 1979, hiện đã ly thân. Từ năm 2010 sinh sống như vợ chồng với chị Vũ Thị L - SN 1977 tại bản Huồi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần Gi; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị xét xử; chưa bị xử lý hành chính; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 08/4/2020 đến ngày 16/4/2020, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Đoàn Văn Th, sinh ngày 03 tháng 02 năm 1986 tại Đồng M, Vĩnh B, Hải Ph; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Làng Cấp L, xã Đồng M, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Ph; Chỗ ở hiện nay: Xóm Huồi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Bị cáo là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đến ngày 14/4/2020 bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; con ông Đoàn Văn B - SN 1951, là thương binh; con bà: Trần Thị M - SN 1956; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ là Vũ Thị D - SN 1980 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2017 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 08/4/2020 đến ngày 16/4/2020, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/4/2020, Hoàng Văn V trú tại bản Huồi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G gọi điện thoại mời Bồ Xuân H và Mai Quang H đến nhà V ăn cơm trưa. H rủ thêm Đoàn Văn Th cùng đến nhà V ăn cơm. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, H, Th, H và V đang ngồi ở bàn uống nước nhà V, trong lúc chờ cơm chín, V rủ H, H, Th đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh sâm ăn tiền, 03 người còn lại đồng ý rồi bốn người cùng đi vào gian phòng thứ ba từ cửa vào nhà V, ngồi trên một tấm thảm trải sẵn ở giữa phòng. Bốn người thống nhất đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi sâm 10 lá và chơi theo cặp, theo đó H và Th làm một cặp, V và H làm một cặp. Bốn người ngồi vòng tròn quay mặt vào nhau, tính từ phía cửa vào là H, bên tay phải H là H, bên tay phải H là Th, bên tay phải Th là V. H bỏ ra 5.000.000 đồng đưa cho Th giữ, thắng thua chia đôi. H đưa 10.000.000 đồng cho V giữ (trong đó Hoan bỏ ra 5.000.000 đồng và cho V vay 5.000.000 đồng), thắng thua chia đôi. V lấy một bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài từ góc tường ra để vào giữa chiếu bạc. H cầm bộ tú lơ khơ lên trộn bài, V lật một quân bài ngửa, kẹp vào trong bộ bài và chia cho mỗi người 10 lá bài. Ván đầu tiên Th nhận được quân bài ngửa nên Th được quyền đánh trước và đánh theo thứ tự ngược

chiều kim đồng hồ. Thứ tự quân bài từ nhỏ đến lớn là 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A, 2, không phân biệt màu, chất quân bài. “Đôi” là 2 quân bài cùng giá trị, “sáp” là 3 quân bài cùng giá trị, “tứ quý” là 4 quân bài cùng giá trị, “sảnh” hay “dây” là các quân bài có giá trị liên tiếp từ 03 quân bài trở lên. Người đánh sau dùng quân bài giá trị cao hơn, “đôi” cao hơn, “sáp” cao hơn, “sảnh” hoặc “dây” cao hơn, “tứ quý” cao hơn để chặn người đánh trước, nếu không chặn được thì bỏ lượt, ai đánh hết 10 quân bài trước thì thắng, người còn lại đếm số quân bài trên tay tính mỗi lá bài tương ứng 10.000 đồng để trả cho người thắng, hai người trong cùng một cặp thì không phải trả tiền cho nhau. Khi chơi ai có cả “sảnh” (dây) 10 lá hoặc tứ quý 2 hoặc 10 quân bài cùng màu hoặc 5 đôi hoặc tự tin có thể đánh được liên tiếp mà không ai chặn được thì “xin làng” được đánh trước, nếu không bị chặn thì được “báo sâm”. Những người còn lại phải trả cho người báo sâm 200.000 đồng. Người “xin làng” nếu bị chặn thì phải “đền làng” và phải trả cho mỗi người còn lại 200.000 đồng. Người nào không đi được quân bài nào thì gọi là “cháy” và phải trả cho người thắng 150.000 đồng. Người nào có tứ quý bất kỳ khác tứ quý 2 thì chặn được một quân 2 và người bị chặn phải trả cho người chặn 200.000 đồng, không tính thối 2 và thối tứ quý. Ván đầu tiên Th thắng, Th tự bỏ ra 10.000 đồng để mua nước uống, cả nhóm thống nhất mỗi người báo sâm hoặc bắt cháy một lần bỏ ra 10.000 đồng để đi mua nước uống. Khi 04 người chơi sâm ăn tiền được một lúc, V cầm số tiền 80.000 đồng từ số tiền mỗi người báo sâm, bắt cháy bỏ ra đi mua nước uống. Ba người còn lại tạm dừng chơi chờ V đi mua nước về rồi cả 4 người tiếp tục chơi đánh sâm. Khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc trái phép thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Đ B phối hợp với Công an huyện Tuần G phát hiện bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc (tám thăm) số tiền là 14.920.000 đồng, thu giữ 01 bộ tú lơ khơ và 01 tám thăm. Cơ quan điều tra đã tạm giữ trên người của bị cáo H số tiền: 4.910.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 PLUS màu đỏ. Tạm giữ trên người bị cáo V số tiền: 1.400.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đồng. Tạm giữ trên người của bị cáo H số tiền: 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A70 màu đen. Tạm giữ trên người bị cáo Th số tiền: 2.680.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu REDMI màu đen.

Tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố: Nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân thu lợi bất chính các bị cáo Hoàng Văn V, Bò Xuân H, Mai Quang H, Đoàn Văn Th đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi sâm tại nhà bị cáo Hoàng Văn V, tổng số tiền các bị cáo bỏ ra đánh bạc là 15.000.000 đồng, trong đó H và Th là 5.000.000 đồng, H và V là 10.000.000 đồng. Các bị cáo đã thống nhất trích ra 80.000 đồng để mua nước uống, còn lại 14.920.000 đồng các bị cáo đang sử dụng để đánh bạc trái phép thì bị bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã thành khẩn thật thà khai báo.

Tại Bản Cáo trạng số: 41/CT-VKS ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G đã truy tố các bị cáo về tội: "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321/Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G luận tội đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Điều 99 và Điều 100 Luật Thi hành án hình sự đối với các bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ áp dụng thêm đối với từng bị cáo: Bị cáo H, bị cáo Th đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo H đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn V đề nghị mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Mai Quang H đề nghị mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đoàn Văn Th đề nghị mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Bồ Xuân H đề nghị mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thời gian tạm giữ 09 ngày quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ. Các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.920.000 đồng là tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm thảm có kích thước 2 x 2 mét, màu xám có hoa văn các ô hình chữ nhật đan xen nhau và 01 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài.

Đề nghị chấp nhận việc trao trả tài sản đã thu giữ cho các bị cáo: Theo quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 14,15,16, 17 ngày 22/4/2020 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần G và biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/4/2020 cho các bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không ai bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ tội cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của các bị cáo bị truy tố: Ngày 08/4/2020 tại nhà bị cáo Hoàng Văn V, V đã rủ các bị cáo Đoàn Văn Th, Bồ Xuân H, Mai Quang H thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi sâm. Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc của các bị cáo là 14.920.000 đồng, số tiền này các bị cáo đều thừa nhận dùng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 14.920.000 đồng. Các bị cáo đánh bạc nhằm mục đích thu lợi cá nhân.

Hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai của các bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định, hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321/BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự trị an và an toàn xã hội. Từ những phân tích trên, HĐXX khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố các bị cáo về tội: “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo V là người khởi xướng rủ bị cáo H, Th, H cùng thực hiện hành vi đánh bạc trái phép, các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành, số tiền dùng để đánh bạc là 14.920.000 đồng, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền này. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc khoản 1 Điều 321 Bộ Luật hình sự với mức hình phạt là phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Bồ Xuân H: Từ nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học đến lớp 12/12 đến tháng 9 năm 2007 học trường Cao Đẳng Sư phạm Hưng Y. Tháng 3/2010 đến tháng 10/2013 là Giáo Viên trường tiểu học Nà S, xã Nà S, huyện Tuần G. Đến tháng 10/2013 cho đến nay là giáo viên trường tiểu học Mùn Ch, huyện Tuần G.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Bồ Xuân L được nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3 vì đã có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, kỷ niệm

chương vì đã có thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước, Huy chương chiến sĩ vẻ vang ngày 21/10/2014 và Huy chương chiến sĩ vẻ vang ngày 21/8/2009, Huân chương chiến sĩ vẻ vang ngày 25/6/2001 và kỷ niệm chương ngày 28/11/2015. Bản thân bị cáo H 02 lần được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác trong các năm học 2015 - 2016, 2018 - 2019, HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hoàng Văn V: Từ nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12. Năm 2004 học trung cấp giao thông vận tải tại Ba V, Hà T (Cũ). Năm 2006 đi làm tại công ty quản lý đường 1 tỉnh Điện B, năm 2015 thì bỏ việc, hiện là lao động tự do. Tháng 3 năm 2015 lập gia đình và sinh sống tại Huồi L, xã Mùn Ch, huyện Tuần G. Bị cáo không có tiền án, tiền sự không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đoàn Văn Th: Sinh ra và lớn lên tại xã Đồng M, huyện Vĩnh B, Hải Phòng học hết lớp 12/12. Từ năm 2010 đến nay công tác tại trường Trung học phổ thông Mùn Ch, huyện Tuần G, bị cáo là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Đoàn Văn B được nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý: Huy chương kháng chiến hạng nhì, huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3, Huân chương chiến công giải phóng hạng ba. Bản thân bị cáo đã 3 lần được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác trong các năm học 2012-2013, 2015-2016, 2018-2019, HĐXX áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

Đối với bị cáo Mai Quang H: Sinh ra và lớn lên tại xã Tượng L, huyện Kim B, tỉnh Hà N. Từ nhỏ được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 07/12 thì ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Đến năm 2000 kết hôn với chị Trịnh Thị B và có 02 người con. Từ năm 2010 đến nay ly thân với chị B và sinh sống như vợ chồng với chị Vũ Thị L có 01 người con. Trong trích lục tiền án tiền sự do phòng hồ sơ công an tỉnh Điện B cung cấp, ngày 14/8/1998 bị cáo bị bắt về tội vi phạm chế độ một vợ một chồng, lời khai bị cáo thể hiện bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi mua dâm nhưng bị cáo không nhớ rõ ai đã nộp phạt cho bị cáo, vào thời gian nào. Tại biên bản làm việc ngày 10/5/2020 tại Công an huyện Điện B khẳng định tại tàng thư và hồ sơ lưu bị cáo chưa có quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chưa từng bị khởi tố, điều tra, do vậy không có căn

cứ bị cáo đã bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo không có tiền án, tiền sự không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Mai Quang H được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự.

HĐXX căn cứ vào hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xét thấy: Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thành khẩn thật thà khai báo hành vi phạm tội của mình, đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo, HĐXX xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần được chấp nhận áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tạo điều kiện cho bị cáo lao động, học tập cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục cơ quan nơi công tác của các bị cáo, chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo để trở thành các công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung ngân sách nhà nước, song xét thấy:

Bị cáo Mai Quang H là lao động tự do làm công nhân xây dựng thu nhập không ổn định khoảng 6 triệu đồng/tháng, hiện đang tạm trú tại xã Mùn Ch, sinh sống như vợ chồng với chị Vũ Thị L lại không có công ăn việc làm lại phải nuôi một con nhỏ thường xuyên ốm đau nên kinh tế gia đình rất khó khăn. Ở quê bố mẹ già yếu bị cáo phải gửi một khoản tiền phụ giúp, bị cáo chưa có nhà riêng (Theo giấy xác nhận thu nhập BL 360, BBXM BL 341)

Bị cáo Bồ Xuân H: Hiện bị cáo đang là giáo viên công tác tại trường tiểu học Mùn Ch huyện Tuần G. Mức lương hàng tháng của bị cáo là 8.776.983 đồng chưa trừ các khoản bảo hiểm đóng góp nhà trường, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác. Bị cáo đang phải nuôi một con nhỏ sinh năm 2018, hàng tháng phải trích một khoản thu nhập gửi về bố mẹ để ở quê do già yếu do vậy kinh tế gia đình rất chật vật. Bị cáo và vợ hiện sống ở khu tập thể giáo viên nhà trường, chưa có nhà riêng (BL 344, 402)

Bị cáo Đoàn Văn Th: Hiện bị cáo là giáo viên công tác tại Trường trung học Phổ thông Mùn Ch với mức lương hàng tháng trước khi phạm tội là 7.528.167 đồng, chưa trừ các khoản bảo hiểm, đóng góp nhà trường. Mức lương đang tạm đình chỉ công tác là 2.636.128 đồng ngoài ra không còn khoản thu nhập nào khác. Vợ bị cáo cũng là giáo viên nhưng đang nghỉ chế độ thai sản. Bị cáo cùng vợ hiện đang phải nuôi hai con còn rất nhỏ, một con mới hơn 2 tuổi, một cháu mới sinh được 3 tháng, bố mẹ già ở quê cũng phải phụ giúp nên rất khó khăn cho chi tiêu sinh hoạt và nuôi hai con. Về nhà ở

bị cáo hiện đang ở ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng tiết kiệm và vay ngân hàng Agribank huyện Tuần G, hiện vẫn chưa trả được (Theo giấy xác nhận thu nhập BL 410)

Bị cáo Hoàng Văn V: Hiện là lao động tự do thu nhập không ổn định bình quân khoảng 5.200.000 đồng/tháng, ngoài ra không có khoản thu nhập nào khác. Bị cáo lại phải nuôi một con nhỏ cùng vợ. Hàng tháng phải trích một khoản thu nhập gửi cho bố mẹ già ở quê nên rất khó khăn. Bị cáo có nhà riêng nhưng hiện nay vẫn còn đang nợ ngân hàng do vay mượn để xây dựng (BL 420)

Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập chỉ tạm đủ sinh hoạt gia đình, việc phạm tội do bột phát và không có tính chuyên nghiệp, HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5]. Theo khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn nên không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.920.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm thảm có kích thước 2 x 2 mét, màu xám có hoa văn các ô hình chữ nhật đan xen nhau và 01 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài.

[7] Các vấn đề liên quan: Đối với số tiền và tài sản thu giữ trên người của các bị cáo: Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người của bị cáo H số tiền: 4.910.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE 8 PLUS màu đỏ. Thu giữ của bị cáo V số tiền: 1.400.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG J7 màu đồng. Thu giữ của bị cáo H số tiền: 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG A70 màu đen. Thu giữ của bị cáo Th số tiền: 2.680.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu REDMI màu đen. Qua điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, xác định số tiền và điện thoại tạm giữ trên người của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên ngày 22/4/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Tuần G đã trả lại 04 chiếc điện thoại di động và số tiền thu giữ trên người cho các bị cáo, các bị cáo nhất trí không có ý kiến gì.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần G, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 321/BLHS; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự; điểm i, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Bồ Xuân H;

Căn cứ Khoản 1 Điều 321/BLHS; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự; điểm i, điểm s, điểm v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Đoàn Văn Th;

Căn cứ Khoản 1 Điều 321/BLHS; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn V;

Căn cứ Khoản 1 Điều 321/BLHS; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ Luật Hình sự; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng đối với bị cáo Mai Quang H.

Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Tuyên bố: Các bị cáo: Bồ Xuân H, Hoàng Văn V, Mai Quang H và Đoàn Văn Th đều phạm tội: “Đánh bạc”.

1. Xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo Bồ Xuân H: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (Chín) ngày quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Hoàng Văn V: 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (Chín) ngày quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Bị cáo Mai Quang H: 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (Chín) ngày quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đoàn Văn Th: 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian tạm giữ 09 (Chín) ngày quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Mùn Ch, huyện Tuần G nhận được Bản án và Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mùn Ch, huyện Tuần G và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ Luật hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 321 Bộ Luật Hình sự.

Trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 14.920.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 tấm thảm có kích thước 2 x 2 mét, màu xám có hoa văn các ô hình chữ nhật đan xen nhau và 01 phong bì màu trắng các mép đều được dán kín gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ gồm 52 quân bài.

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Tuần Giáo bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo hồi 10 giờ 00 phút ngày 30 tháng 6 năm 2020)

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 09/7/2020./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện B;
- VKSND huyện T G;
- CA huyện T G (03 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Đ B;
- Huyện ủy TG, THA DS TG, THA HS;
- UBND xã Mùn Ch;
- Trường tiểu học, THPT M Ch;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hà

HỘI THẨM

HỘI THẨM

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Văn Quân

Nguyễn Thị Huyền

Lê Đình Hà

HỘI THẨM

HỘI THẨM

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- CQ Điều tra CA huyện TG;
- Bộ phận HSNV CA H. TG;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- THA DS TG, THA HS;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

